**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**Quý III.2020**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (“QUỸ”)**

**1.1 Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm **51.5** (%) so với kỳ báo cáo (30/09/2019); thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là **-1.32 (%).**

**1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

 Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các công ty hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trái phiếu chuyển đổi cùng với các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Theo phân loại trong danh mục này, trái phiếu chuyển đổi sẽ là một phần trong danh mục chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư bao gồm khoảng 20% giá trị tài sản ròng của quỹ vào chứng khoán nợ và tiền, và khoảng 80% vào chứng khoán vốn, ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu các công ty có vốn hoá lớn và vừa có tiềm năng tăng trưởng cao. Trong một số trường hợp, khi điều kiện vĩ mô và tình hình thị trường thay đổi, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% giá trị tài sản ròng so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

**1.4 Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

 Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 5 năm 2004.

**1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 421,754,040,290 Đồng Việt Nam, tương ứng với 10,311,701.04 Chứng chỉ Quỹ.

**1.8 Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi chuyển đổi cho đến ngày 30 tháng 09 năm 2020.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | 30/09/2020 | 30/09/2019 | 30/09/2018 |
| Danh mục chứng khoán  | 87.18% | 95.03% | 79.15% |
| Tài sản khác | 12.82% | 4.97% | 20.85% |
|  |   |   |   |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | 30/09/2020 | 30/09/2019 | 30/09/2018 |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 421,754,040,290 | 870,482,187,950 | 1,275,103,947,993 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) |  10,311,701.04  |  21,001,833.98  |  30,682,334.21  |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 40,900.53 | 41,447.91 | 41,558.24 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 41,567.98 | 41,758.80 | 49,328.49 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 35,084.76 | 35,866.30 | 34,042.30 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 75.47% | 203.74% | 783.12% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 50.57% | 151.32% | 858.60% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 24.90% | 52.42% | -75.48% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.44% | 2.11% | 2.12% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 57.82% | 55.65% | 111.09% |

**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQhàng năm (%)** |
| 1 năm | -1.32 | -1.32 |
| 3 năm | 19.53 | 6.13 |
| Từ khi thành lập | 309.01 | 8.99 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | **09/30/2020** | **09/30/2019** | **09/30/2018** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -1.32% | -0.27% | 21.46% |

1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

Thị trường chứng khoán Việt Nam vùa kết thúc Qúy 3, ghi nhận một quý phục hồi tốt với múc tăng 9,71% so với ngày 30/06/2020. Sau giai đoạn hồi phục mạnh của thị trường trong Quý 2, VNIndex trải qua tháng 7 giao dịch theo xu hướng tích lũy và điều chỉnh về vùng 800 điểm do tâm lý thận trọng của Nhà đầu tư. Nhưng giai đoạn sau của Quý, Thị trường chứng kiến sự hồi phục mạnh mẽ của VNIndex suốt trong tháng 8 và tháng 9 nguyên nhân chính của sự hồi phục đền từ Việt Nam đã kiểm soát tốt dịch bệnh tạo tâm lý an tâm cho Nhà đầu tư quay trở lại thị trường, dòng tiền vào thị trường sôi động đã giúp chỉ số tăng trở lại vùng 900 điểm. Đóng vai trò hỗ trợ chính trong đà tăng điểm của các chỉ số là sự gia nhập của dòng tiền mới. Cũng nhờ dòng tiền bắt đáy này mà giá cổ phiếu nhóm ngân hàng tăng đều đặn, cổ phiếu chứng khoán “dậy sóng”, nhóm khu công nghiệp chủ yếu giao dịch với đà tăng...

Kết thúc tháng 9, Vnindex đóng cửa tại 905,21 điểm, tăng 80,1 điếm tương đương tăng 9,71% so với ngày 30/06/2020. Thanh khoản của thị trường cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bình quân trong quý 3 đạt gần 5.400 tỷ đồng/phiên, tương đương với bình quân quý trước đó.

Những điểm chinh của thị trường trong quý 3:

i)          Thanh khoản thị trường tăng cao, đến từ dòng tiền dồi dào từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước, trong đó có sự tham gia cùa dòng tiền Nhà đầu tư mới.

ii)         Với giao dịch Nhà đầu tư Nước ngoài: Nhà đầu tư tiếp tục có quý 3 bán ròng gần 2.900 tỷ đồng.

iii)        Thị trường có tháng đầu của quý giao dịch tích lũy sau giai đoạn tăng ấn tượng cùa tháng 5 và 6, sau đó tiếp tục đà hồi phục đi từ vùng điểm 800 lên vùng điểm 900. Đây là giai đoạn tăng cần thiết để thị trường có động lực hướng đến vúng điểm cao hơn trong 3 tháng còn lại của năm.

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
|  |  |  |  |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 840.10% | -165.71% | NA |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -2189.29% | 921.09% | NA |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | -1349.20% | 755.37% | NA |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | -4.21% | 3.56% | 8.35% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | -1599.62 | 3625.73 | 26401.9 |
|  |   |   |   |



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 30/09/2020 | 30/09/2019 | **Tỷ lệ thay đổi** |
|  | **(1)** | **(2)** | **(3)=((1)-(2))/(2)** |
|  |  |  |  |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 421,754,040,290 | 870,482,187,950 | -51.55% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ |  40,900.53  |  41,447.91  | -1.32% |
|  |   |   |   |

Trong giai đoạn 30/09/2019 – 30/09/2020, quỹ VFMVF1 có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ giảm 1.32%. Tổng giá trị tài sản ròng giảm 51.55% trong cùng giai đoạn do có sự rút vốn từ phía nhà đầu tư.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ** **(Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 2,896 | 2,138,583 | 20.74% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 99 | 649,774.96 | 6.30% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 81 | 1,557,093.38 | 15.10% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 16 | 2,161,646.83 | 20.96% |
| Trên 500.000 | 2 | 3,804,602.65 | 36.90% |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | 3,094 | 10,311,701.04 | 100.00% |

**4.3 Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ VF1, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ VF1 với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

1. **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

GDP Việt Nam đã tăng trưởng 2,62% trong Quý 3 2020 và 9 tháng đầu năm tăng 2,12%. Khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng vẫn duy trì là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các khu vực của nền kinh tế. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 1,84% cùng kỳ. Xuất siêu là điểm nổi bật của hoạt động kinh tế 9 tháng đầu năm, ghi nhận kỷ lục mới với mức thặng dư 3,5 tỷ USD trong tháng 9, 11,5 tỷ USD trong Quý 3 2020 và 17 tỷ USD lũy kế 9 tháng năm 2020. Bên cạnh đó, vốn đầu tư tư nhân chỉ tăng 2,8% (bằng 20% mức tăng cùng kỳ năm 2019) và vốn FDI giảm 2,5% (cùng kỳ năm 2019 tăng 8,4%). Đầu tư công bắt đầu tăng tốc từ Quý 2 2020 và có sự tăng trưởng đột biến trong Quý 3 khi vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng 13,4% (tương đương 2,5 lần mức tăng cùng kỳ năm 2019). Với chủ trương đẩy mạnh đầu tư công sẽ vẫn là động lực quan trọng trong việc thức đẩy tăng trưởng Quý 4. Các dự báo cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2020 đạt mức tiệm cận 3%.

**6 THÔNG TIN KHÁC**

 **Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ năm 2010 đến nay.
* Ông Trần Lê Minh, Thạc sỹ Quản Trị Tài chính. Ông hiện là Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ 2011 đến nay.

 **Ban Đại diện Quỹ gồm có:**

* Ông Lưu Đức Khánh, Chủ tịch, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông hiện là Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng HDBank từ năm 2009 đến nay đồng thời là Giám đốc điều hành Công ty cổ phần hàng không Vietjet từ năm 2011 đến nay.
* Ông Đặng Thái Nguyên, Thành viên, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông từng là Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa từ năm 2003 đến năm 2006 và hiện là Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt từ năm 2006 đến nay.
* Bà Lê Thị Thu Hương, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. Bà từng là Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS từ năm 2011 đến năm 2012 và hiện là Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín từ năm 2012 đến nay.
* Bà Phạm Thị Thanh Thúy, Thành viên, Luật sư. Bà hiện là Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.

**Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:**

* Ông Trần Thanh Tân, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông hiện là Tổng giám đốc từ năm 2003 đến nay.
* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu , Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2010 đến nay.
* Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính, Thạc sỹ Tài chính – kinh tế. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.
* Ông Trần Lê Minh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Thạc sỹ Quản trị Tài chính. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.

|  |  |
| --- | --- |
| Tp.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2020**Tổng Giám đốc****TRẦN THANH TÂN** |  |